

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/KDTM - PT
Ngày: 22- 4 – 2021
V/v *Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu

Các Thẩm phán:

Ông Trần Đình Quảng

Ông Vũ Việt Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Đức, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Đà Nẵng.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng
xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số:
04/2021/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp
đồng mua bán hàng hóa.*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/KDTM – ST ngày 29 tháng 01
năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng
nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXPT - KDTM ngày
31 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐPT – KDTM
ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Công ty TNHH Bê tông T.

Trụ sở: đường B, Phường xy, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Lê Minh T, là người đại
diện theo ủy quyền, theo Giấy ủy quyền ngày 12/4/2021 của ông Huỳnh Ngọc P,
Tổng Giám đốc - người đại diện theo pháp luật của Công ty. Ông T có đơn xin
xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V (Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư xây dựng V)

Trụ sở: đường L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Trung T, CMND số do Công an Tp Đà Nẵng cấp ngày 22/8/2015, nhân viên kế toán Công ty, là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số: 171/GUQ-CT ngày 20/4/2021 của ông Vũ Hoài C, Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V. Ông T có mặt

3. *Viện Kiểm sát nhân dân kháng nghị*: Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH Bê tông T trình bày:*

Công ty TNHH Bê tông T (Công ty Bê tông T) và Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư xây dựng V, nay là Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V (Công ty V) có ký kết và thực hiện Hợp đồng mua bán số 13A-A/HĐMB/2016 ngày 15/3/2016 về việc Công ty Bê tông T cung cấp bê tông trộn sẵn cho công trình do Chi nhánh Công ty V tại thành phố Hồ Chí Minh thi công. Ngày 29/5/2020, hai bên đã tiến hành đối chiếu và xác nhận công nợ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 29/5/2020, với số tiền là 263.021.000đ.

Do Công ty V vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, Công ty Bê tông T yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc Công ty V phải thanh toán số tiền là 325.646.300đ, trong đó nợ gốc là: 263.021.000đ và tiền lãi tính từ thời điểm 01/02/2020 đến ngày xét xử là 29/01/2021, mức lãi suất quá hạn: 0,0188%/tháng, tiền lãi là: 62.625.300 đồng.

** Theo đơn trình bày, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty V trình bày:*

Công ty V xác nhận còn nợ Công ty Bê tông T số tiền 263,021,000đ là đúng. Đối với khoản tiền lãi, Công ty V không xác nhận vì số tiền này giữa 02 Công ty chưa đối chiếu cụ thể nên không thể xác định được.

** Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án số: 03/2021/KDTM – ST ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng quyết định:*

Căn cứ :

- Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 50 và Điều 306 Luật thương mại;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán" của Công ty TNHH Bê tông T đối với Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V, Xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V thanh toán cho Công ty TNHH Bê tông T tổng số tiền 325.646.300 đồng (*Ba trăm hai trăm triệu sáu trăm bốn sáu ngàn ba trăm đồng*) (trong đó: tiền nợ mua hàng: 263.021.000 đồng (*Hai trăm sáu ba triệu không trăm hai một ngàn đồng*), nợ lãi: 62.625.300 đồng (*Sáu hai triệu sáu trăm hai trăm hai ngàn ba trăm đồng*)).

2. Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V phải chịu là: 16.282.315 đồng (*Mười sáu triệu hai trăm tám hai ngàn ba trăm mười lăm đồng*).

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo. Ngày 02/3/2021, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 216/QĐKNPT – VKS – KDTM đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm giải quyết theo hướng sửa một phần Bản án sơ thẩm đối với phần yêu cầu trả tiền lãi chậm thanh toán của Công ty Bê tông T và sửa phần Quyết định lãi suất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Vì các lý do:

Thứ nhất, thời gian tính lãi chậm thanh toán: Công ty Bê tông T yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả từ tháng 2/2020 đến 29/01/2021, tức 12 tháng, Bản án sơ thẩm xác định thời gian tính lãi chậm thanh toán 13 tháng là không chính xác.

Thứ hai, mức lãi suất áp dụng để tính lãi chậm thanh toán: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận mức lãi chậm thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng giữa Công ty V và Công ty Bê tông T là 1,25%/tháng x 1,5 lần tương đương 22,5

%/năm (= 0,0188%/tháng) là vượt quá mức lãi suất giới hạn được quy định tại Điều 357 và Điều 468 BLDS, thỏa thuận này là trái pháp luật. Số tiền lãi chậm thanh toán phải được tính với mức lãi suất 20%/năm và số tiền lãi phải trả là $263.021.000 \times 20\%/\text{năm} \times 12 \text{ tháng} = 52.604.200 \text{ đồng}$.

Thứ ba, tại Điểm 2 của phần Quyết định Bản án sơ thẩm đã tuyên về phần lãi suất *“Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án”* là trái với quy định tại Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/HD-TP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty V cũng thống nhất với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với thời gian tính lãi từ ngày 01/02/2020 đến 29/01/2021 là 12 tháng, mức lãi suất quá hạn là 20%/năm và số tiền nợ gốc, nợ lãi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 315.625.200 đồng, trong đó: nợ gốc là 263.021.000 đồng và lãi chậm thanh toán là 52.604.200 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng thay đổi một phần kháng nghị theo hướng rút kháng nghị bản án sơ thẩm đối với thời gian tính lãi chậm thanh toán và mức lãi suất áp dụng để tính lãi chậm thanh toán. Đề nghị HĐXX: chấp nhận kháng nghị của VKSND TP Đà Nẵng sau khi đã rút một phần kháng nghị tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bê tông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tiếp tục tiến hành phiên tòa, xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn khởi kiện, Công ty Bê

tông T yêu cầu Công ty V trả tiền nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận về thời hạn thanh toán, mức lãi suất quá hạn trong Hợp đồng mua bán số 13A-A/HĐMB/2016 ngày 15/3/2016. Do đó, tranh chấp giữa Công ty Bê tông T và Công ty V là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền là chưa phù hợp, cũng không nêu rõ thuộc loại tranh chấp nào theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự để có cơ sở xác định thẩm quyền giải quyết của Tòa án, cần rút kinh nghiệm.

[3] Về áp dụng pháp luật: Tòa án sơ thẩm áp dụng các quy định của Luật Thương mại giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa Công ty Bê tông T với Công ty V là đúng. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Luật Thương mại, trường hợp về cùng vấn đề mà Luật Thương mại và các luật khác không quy định thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự. Riêng đối với vấn đề lãi, lãi suất thì cần áp dụng áp dụng Nghị quyết số: 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm để giải quyết toàn diện vụ việc.

Về nội dung:

[4] Các đương sự đã thống nhất nợ gốc phát sinh từ Hợp đồng mua bán số 13A-A/HĐMB/2016 ngày 15/3/2016 và Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 29/5/2020 là 263.021.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu thanh toán nợ gốc là chính xác, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] Về tiền lãi chậm trả: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả theo bản tính lập ngày 29/1/2021 – BL 60, thời gian tính lãi từ ngày 01/02/2020 đến 29/01/2021, tương đương 12 tháng. Tuy nhiên, bảng kê tính lãi, Công ty Bê tông T tính trùng 02 lần đối với tháng 01/2021, tức 13 tháng. Theo đó, bản án sơ thẩm xác định thời gian tính lãi chậm thanh toán 13 tháng là không chính xác như kháng nghị của Viện Kiểm sát đã chỉ ra.

[6] Về mức lãi suất áp dụng, theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại và Điều 11 Nghị quyết số: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác thì áp dụng thỏa thuận hoặc quy định khác của pháp luật. Tại mục 4.8 Hợp đồng mua bán số 13A-A/HĐMB/2016 các bên thỏa thuận mức lãi suất chậm thanh toán là 1,25%/tháng x 1,5 lần tương đương 22,5 %/năm (= 0,0188%/tháng). Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất theo thỏa thuận không

được vượt quá 20%/năm. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Do đó, cần áp dụng mức lãi suất 20%/năm đối với số tiền nợ gốc 263.021.000đ tương ứng với thời gian chậm thanh toán 12 tháng là 52.604.200đ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả với số tiền 62.625.300đ là không đúng. Tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, ngày 12/4/2021, đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi, cụ thể: thời gian tính lãi đối với Công ty V từ tháng 02/2020 đến ngày 29/01/2021 là 12 tháng, mức lãi suất quá hạn là 20%/năm ($263.021.000đ \times 20\%/năm \times 12 \text{ tháng}$) = 52.604.200 đồng.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty V cũng thống nhất với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với thời gian tính lãi, mức lãi suất và số tiền nợ gốc, nợ lãi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận việc thống nhất của các bên đương sự về khoản tiền Công ty V phải trả cho Công ty Bê tông T đối với Hợp đồng mua bán số 13A-A/HĐMB/2016 ngày 15/3/2016 là 315.625.200 đồng , trong đó: nợ gốc là 263.021.000 đồng và lãi chậm thanh toán là 52.604.200 đồng.

[8] Đối với phần Quyết định Bản án sơ thẩm tại mục 2 đã tuyên về phần lãi suất “*Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án*” là không đúng với quy định tại Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với phần này là có cơ sở. Tại Hợp đồng mua bán số 13A-A/HĐMB/2016 ngày 15/3/2016 các bên có thỏa thuận mức lãi suất chậm thanh toán tương đương 22,5 %/năm. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm các bên đương sự đã thay đổi, thống nhất lại mức lãi suất chậm thanh toán là 20 %/năm, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Tối cao. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, sửa một phần bản án sơ thẩm tại mục 2 phần quyết định như sau: *kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 20%/năm.*

[9] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Công ty V phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 315.625.200đ, tương ứng: 15.781.260đ, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 39, điểm b và điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự
- Khoản 3 Điều 4, Điều 306 Luật Thương mại;
- Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Điều 11 và Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" của Công ty TNHH Bê tông T đối với Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V;

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 216/QĐKNPT – VKS – KDTM ngày 02/3/2021 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng rút một phần nội dung kháng nghị tại phiên tòa phúc thẩm.

Sửa một phần Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 03/2021/KDTM – ST ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V thanh toán cho Công ty TNHH Bê tông T tổng số tiền 315.625.200 đồng (*Ba trăm mười lăm triệu, sáu*

trăm hai mươi lăm ngàn, hai trăm đồng). Trong đó nợ gốc là: 263.021.000 đồng và lãi chậm thanh toán là 52.604.200 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 20%/năm.

3. Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

a. Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V phải chịu là: 15.781.260 đồng (*Mười lăm triệu, bảy trăm tám mươi một ngàn, hai trăm sáu mươi đồng*).

b. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm cho Công ty TNHH Bê tông T đã nộp là: 9.995.460 đồng (*Chín triệu chín trăm chín lăm ngàn bốn trăm sáu mươi đồng*) theo biên lai thu số 5014 ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

2. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Hiếu